

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 332/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 31 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 216/2024/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Bà **Lê Thị Trà G**, sinh năm 1996; địa chỉ: **Số E H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; tạm trú: **Số A Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

2/ Ông **Đặng Hữu T**, sinh năm 1999; địa chỉ: **Số E H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**; tạm trú: **Số A Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Lê Thị Trà G** và ông **Đặng Hữu T** xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2019 (Giấy chứng nhận kết hôn số 113 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12/11/2019).

Quá trình chung sống giữa bà **Lê Thị Trà G** và ông **Đặng Hữu T** phát sinh nhiều mâu thuẫn, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của bà **Lê Thị Trà G** và ông **Đặng Hữu T** là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào bản sao của giấy khai sinh số 70 ngày 25/3/2020 và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T có 01 người con chung, họ tên là Đặng Lê Bảo T1, sinh ngày 21/3/2020;

Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T thỏa thuận: Bà Lê Thị Trà G là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Đặng Lê Bảo T1, ông Đặng Hữu T không cấp dưỡng nuôi con.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T không có tài sản chung;

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T không có nợ chung;

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 113 do Ủy ban nhân dân phường B, Quận G, Tp . cấp ngày 12/11/2019).

1.2. Về con chung:

Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T có 01 người con chung, họ tên là Đặng Lê Bảo T1, sinh ngày 21/3/2020.

Giao con chung Đặng Lê Bảo T1 cho bà Lê Thị Trà G (là mẹ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Đặng Hữu T (là cha) không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Đặng Hữu T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T không có tài sản chung.

1.4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Trà G và ông Đặng Hữu T không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Bà **Lê Thị Trà G** và ông **Đặng Hữu T** chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019050 ngày 09/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, **Tp .** Bà **Lê Thị Trà G** và ông **Đặng Hữu T** đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu T2